

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /2018/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 21 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Cà Mau

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: Ngày: 21/09/2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 235/HĐND-TT ngày 18 tháng 9 năm 2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 116/TTr-STC ngày 22 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Cà Mau.

b) Quyết định này không áp dụng đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng trực thuộc Tỉnh ủy, Huyện ủy, Thành ủy và cơ quan Đảng tại xã, phường, thị trấn; tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; đơn vị sự nghiệp công lập; Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Máy móc, thiết bị chuyên dùng là máy móc, thiết bị có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình cao hơn máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định từng trường hợp cụ thể.

3. Máy móc, thiết bị chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định và danh mục tài sản cố định đối với các tài sản thuộc địa phương quản lý theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị; quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

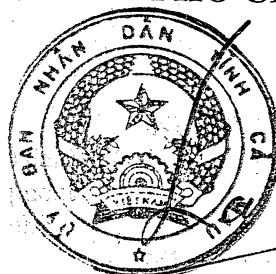
4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KT (Đ09.02);
- Lưu: VT, M.A116/9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi



PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC,
THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
I	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		
A	Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường		
1	Máy quay phim	1	Cái
2	Máy ảnh	1	Cái
B	Trung tâm Phát triển quỹ đất		
1	Máy toàn đạc điện tử	6	Bộ
2	Máy đo GPS	5	Bộ
3	Máy bộ đàm	3	Cái
4	Máy quay phim	1	Cái
5	Máy ảnh	10	Cái
C	Chi cục Bảo vệ môi trường		
1	Thiết bị đo nhanh khí	1	Bộ
2	Thiết bị đo nhanh nước	1	Bộ
3	Phương tiện đo hàm lượng bụi trong không khí	1	Cái
4	Phương tiện đo độ rung động	1	Cái
5	Phương tiện đo độ ồn	1	Cái
6	Thiết bị đo lưu tốc dòng	1	Cái
7	Thiết bị định vị vệ tinh	1	Cái
8	Thiết bị thu mẫu môi trường	1	Bộ
9	Thiết bị bảo quản mẫu môi trường	1	Cái
10	Thiết bị ghi âm ghi hình	1	Cái
11	Thiết bị trắc địa (dò tìm đường ống ngầm)	1	Cái
12	Thiết bị đo lưu lượng nước	1	Cái
D	Chi cục Biển và Hải đảo		
1	Máy tính chuyên dùng cài đặt phần mềm hải đồ chuyên dụng	1	Cái
2	Máy định vị GPS cầm tay	1	Cái
3	Máy định vị định hướng	1	Bộ
Đ	Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau		

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
1	Máy đo đa chỉ tiêu	1	Máy
E	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cà Mau		
1	Máy đo nhanh các chỉ tiêu nước mặt	1	Máy
2	Máy đo độ ồn	1	Máy
3	Máy đo nồng độ bụi	1	Máy
4	Máy ảnh	1	Máy
5	Máy quay phim kỹ thuật số	1	Máy
II	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
A	Sở Khoa học và Công nghệ (Phòng Quản lý chuyên ngành)		
1	Hệ thống ứng phó sự cố hạt nhân	1	Hệ thống
2	Máy đo liều bức xạ cầm tay	1	Cái
B	Sở Khoa học và Công nghệ (Thanh tra Sở)		
1	Thiết bị đo nhanh chỉ số Octan	1	Máy
2	Phương tiện đo độ dày bằng sóng siêu âm	1	Máy
3	Thước cặp điện tử	1	Thước
4	Thước đo độ dày thành ống dạng hiển số điện tử	1	Thước
C	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng		
1	Bộ thiết bị kiểm định kiểm tra hàng đóng gói sẵn	1	Bộ
2	Thiết bị kiểm tra về hàm lượng vàng và khối lượng rắn	1	Cái
3	Thiết bị kiểm tra công tơ điện 1 pha, 3 pha cầm tay	1	Bộ
4	Chuẩn đo thể tích	2	Bộ
5	Chuẩn đo khối lượng	1	Bộ
6	Chuẩn đo độ dài	1	Bộ
7	Chuẩn đo áp suất	1	Bộ
8	Chuẩn đo an toàn cách điện	1	Bộ
9	Thiết bị đo chất lượng xăng dầu	1	Bộ
D	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng		
1	Bàn kiểm công tơ điện	3	Bộ
2	Bình chuẩn từng phần	1	Cái
3	Bể điều nhiệt độ	3	Bộ
4	Bình chuẩn kim loại	2	Bộ
5	Bộ chỉ thị nhiệt độ chuẩn	1	Bộ
6	Bàn kiểm đồng hồ nước 20 vị trí	1	Bộ
7	Bộ kiểm tra khả năng tách khí cột đo xăng dầu và dẫn nổ ống	1	Bộ
8	Cân bàn điện tử	1	Cái
9	Cân kiểm quả chuẩn 2kg	1	Cái
10	Giá đỡ chuẩn dung tích kiểm xitec ô tô	1	Bộ
11	Chuẩn kiểm định đồng hồ xăng dầu	1	Bộ

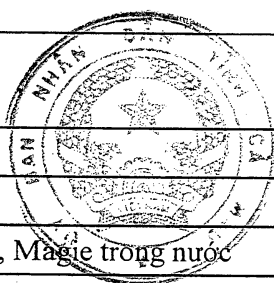
STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
12	Chuẩn kiểm định taximet	1	Bộ
13	Chuẩn kiểm định máy đo điện tim	1	Bộ
14	Máy xác định nhanh trị số Octan	1	Cái
15	Nhiệt kế điện trở platin chuẩn	2	Bộ
16	Thiết bị đo lập ba ghem bề đông bằng phương pháp hình học	1	Bộ
17	Quả cân chuẩn	7	Bộ
18	Cân chuẩn quả M1 (max 31kg)	1	Cái
19	Tủ chuẩn nhiệt ẩm kế	1	Bộ
20	Bể chuẩn nhiệt độ tích hợp	1	Bộ
21	Quả chuẩn khối lượng F1 (1g-2000g)	1	Bộ
Đ	Trung tâm Phân tích, kiểm nghiệm		
1	Tủ chuẩn ẩm nhiệt	1	Cái
2	Bể điều nhiệt	1	Cái
3	Bộ lưu điện cho máy GCMS	1	Bộ
4	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS	2	Hệ thống
5	Hệ thống máy Realtime PCR	4	Hệ thống
6	Hệ thống phân tích Nito/Protein tổng số	1	Hệ thống
7	Máy sắc ký khí khối phổ 01 tứ cực	1	Hệ thống
8	Máy phá mẫu vi sóng chuyên dụng	1	Hệ thống
9	Thiết bị khử trùng vi sinh bằng tia hồng ngoại	5	Cái
10	Hệ thống sắc ký lỏng khối phổ ba tứ cực	1	Hệ thống
11	Hệ thống sắc ký lỏng siêu cao áp	1	Hệ thống
12	Hệ thống sắc ký khí ghép khối phổ đầu dò Ion Trap	1	Hệ thống
13	Hệ thống sắc ký ion	1	Hệ thống
14	Hệ thống sắc ký khí	1	Hệ thống
15	Hệ thống sắc ký lỏng ghép khối phổ đầu dò bẫy ion	1	Hệ thống
16	Hệ thống khối phổ plasma cảm ứng	1	Hệ thống
17	Máy phát xạ huỳnh quang	1	Hệ thống
18	Hệ thống sắc ký lỏng ghép khối phổ AB	1	Hệ thống
19	Thiết bị đo nhanh hiện trường nước, không khí, đất, tiếng ồn	1	Hệ thống
20	Thiết bị đo nhanh hiện trường nước	1	Hệ thống
21	Thiết bị đo nhanh hiện trường không khí	1	Hệ thống
22	Thiết bị đo nhanh hiện trường đất	1	Hệ thống
23	Thiết bị đo nhanh hiện trường tiếng ồn	1	Hệ thống
24	Bể điều nhiệt	1	Cái
25	Bếp cách thủy	6	Cái
26	Bếp gia nhiệt	1	Cái
27	Bếp khuấy từ gia nhiệt	2	Cái

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
28	Bộ bình chứa hóa chất và bộ đầu dò mực chất lỏng	1	Bộ
29	Bộ BOD	1	Bộ
30	Bộ burett tự động	1	Cái
31	Bộ chung cất H ₂ S	2	Cái
32	Bộ điện di nằm ngang	2	Cái
33	Bộ đo BOD 10 vị trí có đế	1	Bộ
34	Bộ lấy mẫu nước, chất lỏng	1	Bộ
35	Bộ lưu điện	4	Bộ
36	Bộ lưu điện có kết nối bình giữ tải	3	Hệ thống
37	Bộ phá mẫu 24 lỗ (30-220 độ C)	1	Bộ
38	Bộ phá mẫu Kjeldahl	1	Bộ
39	Bộ phận nạp hoá chất, dung dịch trong hệ thống Ken-đan	1	Bộ
40	Bộ phân tích xơ	1	Bộ
41	Bộ quả cân chuẩn	2	Bộ
42	Bộ sàng hiệu chuẩn Tyler	1	Bộ
43	Bộ thổi khí Nitơ dùng cho máy Elisa	1	Bộ
44	Bơm Kjeldahl	1	Cái
45	Bơm lấy mẫu khí SO ₂ , CO, NO ₂ theo phương pháp hấp thụ	1	Cái
46	Cân kỹ thuật	11	Cái
47	Hệ thống xử lý nước thải	1	Hệ thống
48	Hệ thống xử lý khí thải	1	Hệ thống
49	Hệ thống xử lý chất rắn	1	Hệ thống
50	Chung cất đậm tự động	3	Máy
51	Data logger nhiệt độ	6	Cái
52	Dụng cụ chia mẫu dạng nón	1	Cái
53	Handy step	3	Cái
54	Hệ thống xác định BOD	5	Hệ thống
55	Kính hiển vi 2 mắt	2	Cái
56	Kính hiển vi	3	Cái
57	Lò nung	2	Cái
58	Máy cất nước 02 lần	2	Cái
59	Máy cất quay chân không	1	Cái
60	Máy chưng cất nhanh	1	Cái
61	Máy dập mẫu	3	Cái
62	Máy đếm hạt cầm tay	2	Cái
63	Máy đếm khuẩn lạc	1	Cái
64	Máy đo BOD oxitop 6 chỗ	1	Cái
65	Máy đo độ dẫn/TDS/độ mặn/nhiệt độ để bàn hiển thị số	1	Cái



STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
66	Máy đo độ hạt ngũ cốc Kett	1	Cái
67	Máy đo pH để bàn	4	Cái
68	Máy đọc ELISA, máy rửa Elisa, máy lắc ủ	1	Hệ thống
69	Máy gia nhiệt	5	Cái
70	Máy hút âm Edison	2	Cái
71	Máy khuấy từ gia nhiệt	6	Cái
72	Máy điều hòa nhiệt độ	20	Bộ
73	Máy li tâm	6	Cái
74	Máy lọc nước siêu sạch (nước sử dụng phân tích dạng vết)	1	Cái
75	Máy lọc nước tinh khiết và nước siêu tinh khiết	2	Cái
76	Máy cất nước 02 lần sử dụng trước khi đưa vào máy lọc nước siêu sạch	1	Cái
77	Máy nghiền mẫu	4	Cái
78	Máy phân tích béo tự động, bộ chiết Soxhlet (xác định lượng chất béo của bột cá, thức ăn chăn nuôi)	1	Cái
79	Máy photocopy (cấu hình cao)	1	Cái
80	Máy quang phổ	3	Cái
81	Máy rửa Microplate	1	Cái
82	Máy soi UV, kèm máy ảnh kỹ thuật số	1	Cái
83	Máy Spin down	1	Cái
84	Máy thổi hạt lép	2	Cái
85	Máy ủ khô	1	Cái
86	Micropipette 8 đầu kênh (50-300)	1	Cây
87	Nồi hấp tiệt trùng	5	Cái
88	Pipette tự động (thể tích 100-1000 μ l)	2	Cái
89	Quang kế ngọn lửa đồng bộ (phân tích hàm lượng K, Na trong phân bón)	1	Cái
90	Thiết bị đo BOD	1	Cái
91	Thiết bị đo nhanh Clorine	1	Cái
92	Thiết bị lấy mẫu không khí	1	Cái
93	Tủ vi sinh (tủ ẩm)	10	Cái
94	Tủ ẩm CO ₂	1	Cái
95	Tủ ẩm ủ BOD	2	Cái
96	Tủ ẩm nhiệt độ thấp	2	Cái
97	Thiết bị hấp tiệt trùng không có áp suất	2	Cái
98	Tủ âm sâu	2	Cái
99	Tủ hút khí độc	3	Cái
00	Tủ hút khí độc có UV	1	Cái
01	Tủ hút khí độc hơi acid	1	Cái
02	Tủ hút khí độc Protea-S	1	Cái

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
103	Tủ hút khí MRC	1	Cái
104	Tủ lạnh	8	Cái
105	Tủ mát	8	Cái
106	Tủ nung MRC	1	Cái
107	Tủ phá ngủ (Incubator)	1	Cái
108	Tủ sấy	7	Cái
109	Tủ thao tác sinh học	6	Cái
110	Tủ cấy sinh học	4	Cái
111	Tủ ủ kỵ khí Memmert-Đức + 02 bình khí CO ₂	1	Cái
112	Đèn máy Real time PCR	20	Cái
113	Board máy Real time PCR	1	Cái
114	Block nhiệt máy Realtime PCR	2	Cái
115	Dụng cụ trợ pipette WITOPED từ 0.1 - 100 ml	3	Cái
116	Máy phát điện	1	Hệ thống
E	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ		
1	Tủ âm	1	Cái
2	Tủ sấy	1	Cái
3	Máy TOA	1	Máy
4	Bộ kiểm định an toàn bức xạ trong y tế	1	Bộ
5	Nồi hấp tiệt trùng tự động	1	Cái
6	Cân điện tử	2	Cái
7	Máy cất nước 2 lần	1	Cái
8	Tủ cấy vô trùng	2	Cái
9	Tủ mát	1	Cái
10	Bình hút ẩm	1	Cái
11	Kính hiển vi	2	Cái
12	Máy đếm khuẩn lạc	1	Máy
13	Bếp cách thủy	1	Cái
14	Tủ cấy vi sinh 2 chỗ ngồi	1	Cái
15	Máy đo pH/Ion để bàn	1	Cái
16	Máy lắc tròn điện tử hiện số	1	Cái
17	Máy đo độ mặn cầm tay	1	Cái
18	Máy đo Amononia	1	Cái
19	Máy đo Oxy hòa tan	1	Cái
20	Máy hút ẩm	2	Cái
21	Máy trộn đất	1	Cái
22	Máy xay đất	1	Cái
23	Máy đo H-2S	2	Cái



STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
24	Máy đo NO ₂	2	Cái
25	Máy đo Calci, Magie trong nước	2	Cái
26	Thiết bị lọc khí	4	Cái
27	Máy cất nước khử Ion	1	Cái
28	Máy rửa dụng cụ Pipet	1	Cái
29	Tủ lưu giữ hóa chất	2	Cái
30	Tủ hút khí độc	1	Cái
31	Máy đo môi trường nước	2	Cái
32	Máy trộn bột	1	Cái
33	Ổn áp	2	Cái
34	Máy hàn nhiệt	2	Cái
35	Máy đóng gói	2	Cái
36	Máy hút chân không	2	Cái
37	Máy đo xuất liều bức xạ cầm tay	1	Cái
38	Giáp chì	1	Cái
39	Kính chì	2	Cái
40	Máy phát điện 3 pha	2	Cái
41	Máy li tâm lạnh	1	Cái
42	Máy chưng cất tinh dầu	1	Cái
43	Kính hiển vi tương phản	1	Cái
44	Tủ sấy bột	1	Cái
III	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP		
A	Ban Quản lý rừng phòng hộ Năm Căn		
1	Máy định vị cầm tay	2	Cái
2	Máy bơm nước	2	Cái
B	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đầm Dơi		
1	Máy định vị cầm tay	2	Cái
2	Máy bơm nước	2	Cái
C	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi		
1	Máy định vị cầm tay	2	Cái
2	Máy bơm nước	2	Cái
D	Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng		
1	Máy định vị cầm tay	2	Cái
2	Máy bơm nước	2	Cái
Đ	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nhung Miên		
1	Máy định vị cầm tay	2	Cái
2	Máy bơm nước	2	Cái
E	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sào Lưới		

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Máy định vị cầm tay	2	Cái
2	Máy bơm nước	2	Cái
G	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tam Giang I		
1	Máy định vị cầm tay	2	Cái
2	Máy bơm nước	2	Cái
H	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		
1	Máy chống dịch sâu, rầy hại lúa	10	Cái
I	Chi cục Thủy lợi		
1	Máy đo mặn + PH	14	Cái
2	Máy thủy bình điện tử	1	Cái
3	Máy định vị GPS	1	Cái
4	Máy GPS đa phần	1	Cái
5	Máy bộ bơm áp lực	2	Cái
6	Máy đo độ sâu hồi âm	1	Cái
7	Máy toàn đạc	1	Cái
8	Ống nhôm (đêm)	4	Cái
K	Chi cục Thủy sản		
1	Máy quay phim	1	Chiếc
2	Máy chụp ảnh có định vị	3	Cái
3	Máy định vị cầm tay GPS	5	Cái
4	Máy định vị lắp cho cano	5	Cái
5	Bình ắc quy 200AMP (cho tàu)	30	Cái
L	Chi cục Kiểm lâm		
L1	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm		
1	Máy chữa cháy công suất lớn	4	Cái
2	Máy chữa cháy công suất nhỏ	4	Cái
3	Vòi chữa cháy phi 65	1	Cuộn
4	Vòi chữa cháy phi 50	1	Cuộn
5	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
6	Máy cưa xích chạy xăng	4	Cái
7	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L2	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 1		
1	Máy chữa cháy công suất lớn	5	Cái
2	Máy chữa cháy công suất nhỏ	5	Cái
3	Vòi chữa cháy phi 65	1	Cuộn
4	Vòi chữa cháy phi 50	1	Cuộn
5	Máy định vị vệ sinh GPS	2	Cái
6	Máy cưa xích chạy xăng	4	Cái

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
7	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L3	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 2		
1	Máy chữa cháy công suất lớn	5	Cái
2	Máy chữa cháy công suất nhỏ	5	Cái
3	Vòi chữa cháy phi 65	1	Cuộn
4	Vòi chữa cháy phi 50	1	Cuộn
5	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
6	Máy cưa xích chạy xăng	4	Cái
7	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L4	Hạt Kiểm lâm Đầm Dơi		
1	Máy bơm phao nổi phá lò than	2	Cái
2	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
3	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L5	Hạt Kiểm lâm Năm Căn		
1	Máy bơm phao nổi phá lò than	2	Cái
2	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
3	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L6	Hạt Kiểm lâm Ngọc Hiển		
1	Máy bơm phao nổi phá lò than	2	Cái
2	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
3	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L7	Hạt Kiểm lâm Phú Tân		
1	Máy bơm phao nổi phá lò than	2	Cái
2	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
3	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L8	Hạt Kiểm lâm Rừng cụm đảo Hòn Khoai		
1	Máy chữa cháy công suất lớn	5	Cái
2	Máy chữa cháy công suất nhỏ	5	Cái
3	Vòi chữa cháy phi 65	1	Cuộn
4	Vòi chữa cháy phi 50	1	Cuộn
5	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
6	Máy cưa xích chạy xăng	4	Cái
7	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L9	Hạt Kiểm lâm Rừng phòng hộ Biển Tây		
1	Máy bơm phao nổi phá lò than	2	Cái
2	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
3	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L10	Hạt Kiểm lâm Trần Văn Thời		

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
1	Máy chữa cháy công suất lớn	5	Cái
2	Máy chữa cháy công suất nhỏ	5	Cái
3	Vòi chữa cháy phi 65	1	Cuộn
4	Vòi chữa cháy phi 50	1	Cuộn
5	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
6	Máy cưa xích chạy xăng	4	Cái
7	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
L11	Hạt Kiểm lâm U Minh		
1	Máy chữa cháy công suất lớn	5	Cái
2	Máy chữa cháy công suất nhỏ	5	Cái
3	Vòi chữa cháy phi 65	1	Cuộn
4	Vòi chữa cháy phi 50	1	Cuộn
5	Máy định vị vệ tinh GPS	2	Cái
6	Máy cưa xích chạy xăng	4	Cái
7	Ống nhôm tia hồng ngoại	1	Cái
M	Trung tâm Giống nông nghiệp		
1	Máy xay đất	1	Cái
2	Cối nghiền thức ăn	1	Cụm
3	Máy phun thuốc có động cơ	1	Cái
4	Máy trộn thức ăn nhỏ	1	Cái
5	Máy bóc vỏ hạt lúa mini	1	Cái
6	Máy gặt đập liên hợp	1	Chiếc
7	Máy bơm nước	2	Cái
8	Máy suốt lúa	1	Chiếc
9	Máy sấy, máy phân loại và làm sạch hạt giống	1	Chiếc
10	Cụm sàng	2	Cụm
11	Biển tần	1	Cụm
12	Dụng cụ chia mẫu dạng nón	1	Cái
13	Cân cơ kỹ thuật	2	Cái
14	Thiết bị chia mẫu dạng hộp	1	Cái
15	Máy nghiền mẫu	1	Cái
16	Bộ sàng hiệu chuẩn	1	Bộ
17	Máy cấy lúa	1	Chiếc
18	Cân phân tích điện tử	1	Cái
19	Tủ sấy cài chương trình nhiệt độ	1	Cái
20	Bình hút ẩm	1	Cái
21	Máy đo độ hạt ngũ cốc Kett	2	Cái
22	Bàn phân tích mẫu có đèn	2	Cái



STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
23	Đèn soi hạt có kính lúp	2	Cái
24	Kính hiển vi soi nổi	1	Cái
25	Tủ phá ngủ	1	Cái
26	Bộ quả cân chuẩn	1	Bộ
27	Máy thổi hạt lép	2	Cái
28	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	1	Cái
29	Máy đo độ ẩm, ngũ cốc	3	Cái
30	Tủ sấy cài chương trình	1	Cái
31	Máy bóc vỏ trấu	1	Cái
32	Máy cấy lúa	1	Chiếc
33	Máy gieo mạ	1	Chiếc
34	Băng tải nghiêng di động	3	Cái
35	Bộ máy D8	2	Cái
36	Máy bơm hơi (sản xuất cây giống)	1	Cái
37	Máy bơm chữa cháy	1	Cái
38	Máy sàng làm sạch và phân loại hạt giống	1	Cái
39	Máy sấy tĩnh vĩ ngang đảo chiều sấy pin xây	1	Cái
40	Máy đo độ ẩm	2	Cái
41	Kính hiển vi	1	Cái
42	Máy may bao	2	Cái
IV	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		
	Sở Thông tin và Truyền thông		
1	Máy định vị GPS	2	Cái
2	Máy đo đường truyền mạng ADSL	2	Cái
3	Máy đo tần số	2	Cái
V	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG		
	Sở Công thương		
1	Bộ máy test nhanh an toàn vệ sinh thực phẩm	10	Bộ
2	Máy test nhanh xăng dầu	1	Bộ
3	Thiết bị đánh giá lò hơi và hệ thống hơi nước	1	Bộ
4	Thiết bị đo điện tức thời	1	Bộ
5	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng	3	Bộ
6	Thiết bị kiểm tra điện	1	Bộ
7	Thiết bị phân tích điện năng tự ghi	1	Bộ
VI	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG NGÀNH XÂY DỰNG		
A	Ban Quản lý dự án Công trình xây dựng tỉnh		
1	Máy kinh vĩ	1	Cái
2	Máy đo lường chuẩn Laser LP	1	Cái

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
3	Máy toàn đạc điện tử	1	Cái
B	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng		
1	Cân phân tích	4	Cái
2	Cân đòn	1	Cái
3	Máy thủy bình tự động	1	Cái
4	Máy thủy chuẩn	1	Cái
5	Máy kinh vĩ điện tử	1	Cái
6	Máy toàn đạc điện tử	1	Cái
7	Máy đo Laser cân bằng 8 tia	1	Cái
8	Kích thủy lực	4	Cái
9	Đồng hồ so	4	Cái
10	Bộ cần Benkerman	1	Bộ
11	Máy nén bê tông	1	Cái
12	Máy nén vữa	1	Cái
13	Máy khoan bê tông	2	Cái
14	Búa thử độ cứng bê tông	1	Cái
15	Búa thử độ cứng vữa	1	Cái
16	Kính đo vết nứt	1	Cái
17	Máy đầm	2	Cái
18	Máy CBR	1	Cái
19	Máy dò cốt thép	1	Cái
20	Máy đo kéo dài nhựa	1	Cái
21	Máy kéo thép	1	Cái
22	Máy lắc sàn	2	Cái
23	Máy li tâm chiết nhựa	1	Cái
24	Máy siêu âm bê tông	1	Cái
25	Máy thử mài mòn đá	1	Cái
26	Máy trộn bê tông	2	Cái
27	Máy trộn vữa	1	Cái
28	Tủ dưỡng mẫu	1	Cái
29	Máy thử độ bám dính	1	Cái
30	Bàn dần tạo mẫu	1	Cái
31	Bàn rung đầm mẫu bê tông	1	Cái
32	Bộ sàng cát	2	Bộ
33	Bộ sàng đá	1	Bộ
34	Bộ sàng xi măng	1	Bộ
35	Bộ khuôn Lechatelie	1	Bộ
36	Bể luộc mẫu Lechatelie	1	Cái

STT.	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
37	Khuôn bê tông	18	Cái
38	Khuôn vữa	3	Cái
39	Thước 3 mét đo độ bằng phẳng	1	Cây
40	Phễu rót cát	1	Cái
41	Phễu rót đá	1	Cái
42	Hộp chia mẫu cát	1	Cái
43	Hộp chia mẫu đá	1	Cái
44	Dao vòng	5	Cái
45	Bình định mức thủy tinh	15	Cái
46	Bình tam giác thủy tinh	15	Cái
47	Puret	3	Cái
48	Pipet	3	Cái
49	Bình khối lượng riêng	2	Cái
50	Bình hút ẩm	1	Cái
51	Bộ thử va đập đá	1	Cái
52	Thước kẹp cài tiến	1	Cây
53	Nhiệt kế điện tử	1	Cái
54	Máy cắt sắt	1	Cái
55	Thùng rửa cát	1	Cái
56	Thùng rửa đá	1	Cái
57	Bộ vicát	1	Bộ
58	Máy dẫn xi măng khuôn côn	1	Cái
59	Bảng so màu hữu cơ	1	Cái
60	Bộ khắc vạch thép	1	Cái
61	Máy thử độ mài mòn Losangerles	1	Cái
62	Máy đo điện trở đất	1	Cái
63	Cáo chữ C	4	Cái
64	Bộ Casagrande	1	Bộ
65	Chân đế từ tính	4	Cái
66	Lò nung	3	Cái
67	Chén bạch kim	1	Cái
68	Chén sứ	4	Cái
69	Nhiệt kế thủy ngân	4	Cái
70	Máy đo nhiệt độ hóa mềm	1	Cái
71	Máy khuấy từ gia nhiệt	1	Cái
72	Máy đo độ bắt lửa	1	Cái
73	Máy đo lượng hòa tan tricloetilen	1	Cái
74	Bể điều nhiệt Marshall	1	Cái

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
75	Bộ thử tốc độ thấm cát	1	Bộ
76	Dao spatula	1	Cái
77	Bộ côn thử độ sụt bê tông	1	Bộ
78	Quả bóp 3 ngã bằng nhựa	2	Cái
79	Quả bóp 1 ngã bằng nhựa	1	Cái
80	Xe đẩy tay	1	Cái
81	Xe nâng tay	1	Cái
82	Bàn cân thủy tinh	1	Cái
83	Máy khoan cầm tay	1	Cái
C	Ban Quản lý dự án thành phố Cà Mau		
1	Máy quay phim	1	Máy
2	Máy chụp ảnh	1	Máy
VII	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG THUỘC LĨNH VỰC KHÁC		
A	Ban Quản lý Khu kinh tế		
1	Máy thủy bình tự động	1	Bộ
2	Máy toàn đạc điện tử	1	Bộ
3	Thiết bị vệ tinh	1	Bộ
B	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau		
1	Ống nhôm tia hồng ngoại	2	Cái
2	Ống hút dài 6m	4	Cái
3	Máy bơm phao nổi phá lò than	2	Cái
4	Bộ đàm	1	Bộ
5	Kính thiên văn khúc xạ	2	Bộ
6	Kính hiển vi	2	Cái
7	Máy định vị GPS	4	Cái
8	Máy đo khoảng cách laser	2	Cái
9	Sa bàn	1	Bộ
10	Máy đo DO	1	Cái
11	Máy đo độ đục	1	Cái
12	Máy đo TDS	1	Cái
13	Máy ảnh	2	Cái
14	Máy quay phim ban đêm	1	Cái
15	Máy bay flycam	1	Cái
C	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (dùng cho thanh tra)		
1	Máy ảnh	1	Cái
2	Thiết bị đo ánh sáng	1	Bộ
3	Thiết bị đo âm thanh	1	Bộ
4	Máy quay phim	1	Cái

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
5	Thiết bị đo độ PH, lượng Clo dư trong nước bể bơi	1	Bộ
6	Máy định vị GPS	1	Cái
7	Thiết bị kiểm tra nhanh nước thải	1	Bộ
8	Thiết bị đo độ bụi không khí	1	Bộ
9	Máy bộ đàm	2	Cái
D	Đoàn Cải lương Hương Tràm		
1	Bộ micro không dây	21	Bộ
2	Digital Mixer	1	Cái
3	Digico	2	Cái
4	Amplify	5	Cái
5	Loa	42	Cái
6	Power Amplifier	1	Cái
7	8CH RAINBOW CABLE WITH NEW STAGEBOX, CABLE LENGTH	1	Sợi
8	12U ABS rack case	2	Cái
9	Bộ trụ treo loa	2	Bộ
10	Tủ điện điều khiển	1	Cái
11	Bộ phân phối điện nguồn	1	Cái
12	12 switch circuits	1	Cái
13	Power, Mixer đèn MC 12lineT	1	Cái
14	Đầu ND	1	Cái
15	Bộ đàm	1	Cái
16	Mixer	5	Cái
17	Bộ đèn kỹ xảo	1	Cái
18	Micro	14	Cái
19	Amplify + loa (toa)	1	Cái
20	Máy phóng EpsonEMP/S3	1	Cái
21	Hộp phá tiếng	1	Cái
22	Trống điện tử SPD	1	Bộ
23	Phụ kiện trống SPDC	1	Cái
24	Đàn Organ	2	Cái
25	Micro CX 212	2	Bộ
26	Card U 420	1	Cái
27	Máy phát điện	1	Cái
28	Multi - Effect	1	Cái
29	Bộ lọc tần số	3	Bộ
30	Power Amplifier - tăng âm	3	Cái
31	Tăng âm công suất	1	Cái
32	Dây tín hiệu micro	1	Bộ

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
33	Cáp audio link 24.4 - 50	1	Bộ
34	Bộ cấp nguồn	2	Bộ
35	Tủ thiết bị, bộ xử lý	1	Bộ
36	Ổn áp	1	Cái
37	CX-380-DIMMER PACK 12	1	Cái
38	ORPANIC LED PAR 64	24	Cái
39	POLLARLIGHTS-A025-575W	4	Cái
40	Máy khói công suất 2.000W	2	Cái
41	Công suất ánh sáng NET	1	Cái
42	LED PAR light 3W*54pcs YELLOWRIVER-1190A	10	Cái
Đ	Đoàn Nghệ thuật Khmer		
1	Dàn nhạc ngũ âm	1	Bộ
2	Dàn nhạc dù kê	1	Bộ
3	Trống công gô	1	Bộ
4	Đàn khum	2	Cây
5	Đàn tả khê	1	Cây
6	Trống A day	1	Bộ
7	Đàn organ	1	Cây
8	Đàn guitar solo	1	Cây
9	Hộp tiếng guitar solo	1	Bộ
10	Đàn guitar bass	1	Cây
11	Trống điện tử	1	Bộ
12	Trống lazer	1	Bộ
13	Bộ cymbal	1	Bộ
14	Chân cymbal	1	Cái
15	Saxophone AS600L	1	Cái
16	Bộ trống Say Dăm	1	Bộ
E	Bảo tàng tỉnh		
1	Máy hút ẩm	5	Cái
2	Bộ loa cầm tay	1	Bộ
G	Ban Quản lý Khu du lịch Đất Mũi		
1	Hệ thống loa phóng thanh nội bộ tại khu du lịch	1	Bộ
H	Thư viện tỉnh		
1	Máy cắt giấy	1	Cái
2	Máy phát điện	1	Cái
I	Trung tâm Văn hóa tỉnh		
1	Bàn trộn âm thanh chuyên nghiệp	1	Bộ
2	Bộ tạo đa hiệu ứng âm thanh	1	Bộ

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
3	Bộ đa xử lý	1	Bộ
4	Tăng âm công suất	6	Cái
5	Loa	14	Cái
K	Vườn Quốc gia U Minh hạ		
1	Máy chữa cháy V75	2	Cái
2	Máy chữa cháy V50	2	Cái
3	Máy phao chữa cháy	4	Cái
4	Hệ thống máy Icom	1	Bộ
5	Vòi dẫn nước (loại A, B)	10000	Mét
6	Hệ thống máy giám sát rừng (Flycam)	1	Bộ
7	Máy chữa cháy V82	6	Cái
8	Lăng chữa cháy (A-B)	22	Cái
9	Ba bạc chữa cháy	5	Cái
VIII	MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CHO HUYỆN, THÀNH PHỐ		
A	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau		
1	Máy chữa cháy (trang bị cho 17 xã, phường)	17	Máy
B	Thành đoàn thành phố Cà Mau		
1	Máy chụp ảnh	1	Máy
2	Loa vali kéo	1	Bộ
C	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Cà Mau		
1	Máy chụp ảnh	1	Máy
D	Phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau		
1	Máy quay phim	1	Máy
2	Máy chụp hình	1	Máy
Đ	Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố Cà Mau		
1	Camera	4	Máy
2	Máy phát sóng	1	Máy
3	Máy chụp hình	2	Máy
E	Phòng Văn hoá và Thông tin thành phố Cà Mau		
1	Công suất Pevrey	1	Cái
2	Thùng loa	1	Cái
3	Ổn áp	1	Cái
4	Mixer	1	Cái
5	Bộ echo-Alesics	1	Cái
6	Equalizer 2x31-band	1	Cái
7	Micro không dây	18	Cái
8	Loa full đôi	11	Bộ
9	Power amplifier	6	Cái

STT	Chủng loại	Số lượng tối đa	Đơn vị tính
1	2	3	4
10	Audio	1	Cái
11	Máy khói	1	Cái
12	Amplify	4	Cái
13	Bộ tạo hiệu ứng	1	Cái
14	Bộ trộn âm	1	Bộ
15	Bộ tạo đa hiệu ứng	1	Bộ
16	Bộ lọc tần số	1	Bộ
17	Bộ đa xử lý	1	Bộ
18	Tăng âm công suất	2	Cái
19	Loa toàn dải toàn dải	4	Cái
20	Tủ thiết bị chứa Mixer và bộ xử lý	1	Cái
21	Đèn tia beam	8	Cái
22	Bộ công suất dùng cho đèn pha	1	Bộ
23	Bảng điều khiển ánh sáng	1	Cái
24	Bộ khuếch đại tín hiệu ánh sáng	1	Bộ
25	Thiết bị xử lý tín hiệu	1	Cái
26	Bộ cung cấp nguồn SMPS	2	Bộ
G	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
1	Máy chữa cháy (cho các xã, thị trấn)	7	Bộ
H	Đài Truyền thanh huyện Ngọc Hiển		
1	Camera	5	Máy
2	Máy phát FM	1	Máy
3	Máy tăng âm	1	Máy
4	Máy ảnh	2	Máy
5	Máy ghi âm	2	Máy